

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 399/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Phi C, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ E, khu phố C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Đỗ K, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ E, khu phố C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1964; Vắng mặt;

Ông Ngô Văn T, sinh năm 1963; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà C thôn T, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Phi C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Phi C và ông Ngô Đỗ K tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2011 quyền số 01/2011 ngày 06/4/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và quan tâm chăm sóc đến nhau. Tuy nhiên, từ cuối năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ông K thường xuyên đánh đập, bạo hành bà C. Vợ chồng đã tìm cách hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nhưng không thành. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Bà C về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Bà Công nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau nên yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Ngô Ngọc An P, sinh ngày 20/8/2016 và Ngô Ngọc An P1, sinh ngày 29/4/2019. Trong quá trình sống chung ông K đánh đập nên bà C phải về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại tỉnh Bình Phước. Ông K không cho bà C đưa con đi cùng và ngăn cản không cho bà C chăm sóc nuôi dưỡng các con. Ông K đã đưa các con cho cha mẹ ông K (bà Đỗ Thị B và ông Ngô Văn T) nuôi dưỡng. Do đó, khi ly hôn bà C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 3.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa bà C yêu cầu bà C và ông K mỗi người được quyền nuôi một con chung. Thu nhập của bà C trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng nhận chuyển nhượng thửa đất 1570 tờ bản đồ số 42 diện tích đất 813,2m² (đo đạc thực tế 795,7m²) tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 514940 số vào sổ cấp GCN: CS11758 ngày 16/02/2022 cho ông Ngô Đỗ Khoa. Tài sản gắn liền trên đất là 41 cây nhãn có từ khi nhận chuyển nhượng đất. Ngoài ra trên đất có một số cây rừng tự mọc bà C không tranh chấp.

Nguồn gốc đất do vợ chồng nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân nhưng giấy chứng nhận do một mình ông K đứng tên.

Cha mẹ ông K tặng cho diện tích đất 492m² (tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương) do ông K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tặng cho trong thời kỳ hôn nhân. Vợ chồng đã chuyển nhượng đất tại xã B để nhận chuyển nhượng đất tại tỉnh Kon Tum bao gồm: thửa 42 tờ bản đồ số 4 diện tích 29.490m²; 09 thửa tờ bản đồ 14 diện tích 32.850m²; thửa 113 tờ bản đồ số 49 diện tích 10.580m²; thửa 114 tờ bản đồ số 49 diện tích 6.035m²; thửa 115 tờ bản đồ số 49 diện tích 594m² tại huyện S; thửa 724 tờ bản đồ số 35 diện tích 500m²; thửa 917 tờ bản đồ số 35 diện tích 999,2m² tại thành phố K do vợ chồng cùng đứng tên giấy chứng nhận. Tiền nhận chuyển nhượng đất tại tỉnh Kon Tum bao gồm tiền chuyển nhượng đất tại xã B và tiền chung của vợ chồng. Sau đó, vợ chồng ủy quyền cho bà Đỗ Thị B chuyển nhượng đất tại tỉnh Kon Tum để nhận

chuyển nhượng đất tại phường U. Vợ chồng đã cùng nhau xây dựng gia đình, chăm lo các con và cùng tạo lập tài sản chung nên khi ly hôn bà C yêu cầu chia đôi tài sản chung. Bà C yêu cầu được nhận đất và đồng ý thanh toán một phần hai giá trị quyền sử dụng đất cho ông K.

Bị đơn ông Ngô Đỗ K vắng mặt và có trình bày ý kiến như sau: ông K và bà C tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T (nay huyện B), tỉnh Bình ngày 06/4/2011.

Sau khi cưới vợ chồng sống chung hạnh phúc đến ngày 22/11/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà C vay mượn nợ không được sự đồng ý của K. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình không hòa giải được. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ ngày 22/11/2022 cho đến nay. Bà C về sống chung với cha mẹ tại tỉnh Bình Phước. Vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Ông K mong muốn vợ chồng sống chung để cùng chăm lo cho các con nhưng bà C yêu cầu ly hôn nên ông K đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Ông K không đồng ý giao cho bà Đặng Thị Phi C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Ngọc An P, sinh ngày 20/8/2016 và Ngô Ngọc An P1, sinh ngày 29/4/2019. Bởi vì hiện nay hai cháu đang sống chung với ông K và các cháu muốn sống chung với ông K. Bà C không có công việc làm ổn định.

Ông K có công việc làm ổn định thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 17.000.000 đồng. Do đó, ông K yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không đồng ý yêu cầu của bà Đặng Thị Phi C chia diện tích đất 813,3m² (đo đạc 795,7m²) thửa 1570 tờ bản đồ số 42 tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nguồn gốc diện tích đất trên là từ tài sản của cha mẹ ông K tặng cho riêng ông K. Trong quá trình vợ chồng chung ông K đã chuyển nhượng thửa đất số 568 tờ bản đồ số 42 diện tích 492m² tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương (cha mẹ tặng cho riêng ông K) để nhận chuyển nhượng đất tại thành phố K, tỉnh Kon Tum đứng tên ông K và bà C. Sau đó, vợ chồng ủy quyền cho mẹ ông K là bà Đỗ Thị B chuyển nhượng diện tích đất tại thành phố K, tỉnh Kon Tum để nhận chuyển nhượng diện tích đất 813,3m² (đo đạc 795,7m²) thửa 1570 tờ bản đồ số 42 tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, ông K yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đất trên và thanh toán cho bà C 500.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Ngô Văn T và bà Đỗ Thị B trình bày: Ông bà là cha mẹ của ông Ngô Đỗ Khoa. Vợ chồng của ông K mâu thuẫn ly hôn với nhau nên ông K có nhờ ông T và bà B chăm sóc cho hai cháu nội từ giữa tháng 7/2023 đến ngày 30/5/2024 thì ông bà đưa hai cháu về sống chung với ông K.

Ông bà có tặng cho riêng ông K diện tích đất khoảng 400m² tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Sau đó, ông K đã chuyển nhượng diện tích đất trên để nhận chuyển nhượng diện tích đất hiện nay bà C yêu cầu chia khi ly hôn.

Ý kiến của cháu Ngô Ngọc An P muốn sống chung với ông Ngô Đỗ Khoa .

Kết quả định giá tài sản : Đất thổ cư 140m² giá 1.050.000.000 đồng (7.500.000 đồng/m²); đất nông nghiệp 655,7m² giá 2.688.370.000 đồng (4.100.000 đồng/m²) ; 41 cây nhãn giá 36.768.800 đồng (896.800 đồng/cây). Tổng cộng 3.775.138.800 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

Về nội dung: Bà Đặng Thị Phi C và ông Ngô Đỗ K có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân bà C yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Bà C yêu cầu ly hôn và ông K đồng ý ly hôn nên bà C yêu cầu ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung hiện nay các cháu đang sống chung với ông bà N. Cháu Ngô Ngọc An P muốn sống chung với ông K nên giao cho ông K nuôi dưỡng. Cháu Ngô Ngọc An P1 còn nhỏ nên giao cho bà C nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con ông K và bà C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nợ chung: Nguồn gốc diện tích các đương sự đang tranh chấp có nguồn gốc từ tiền chuyển nhượng diện tích đất cha mẹ ông K tặng cho riêng ông K để nhận chuyển nhượng đất tại tỉnh Kon Tum đứng tên vợ chồng thể hiện ý chí của ông K xác nhập tài sản riêng thành tài sản chung của vợ chồng. Sau đó, ông K chuyển nhượng đất tại tỉnh Kon Tum đứng tên vợ chồng để nhận chuyển nhượng đất tại phường U nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Thửa đất 1570 không đủ điều kiện tách thửa để chia bằng hiện vật nên giao diện tích đất trên cho ông K. Do nguồn gốc tiền nhận chuyển nhượng đất từ tài sản riêng của ông K nên chia cho ông K được hưởng 50% tài sản bằng hiện vật, ông K phải thanh toán cho bà C 50% giá trị tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Phi C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với ông Ngô Đỗ K nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Ngô Đỗ K đang cư trú tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Ngô Đỗ K, ông Ngô Văn T và bà Đỗ Thị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đã có lời khai tại Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Phi C và ông Ngô Đỗ K là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T (nay huyện B), tỉnh Bình Dương được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/4/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà C yêu cầu ly hôn với ông K do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và ông K đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ sống chung nên bà C yêu cầu ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Ngô Ngọc An P, sinh ngày 20/8/2016 và Ngô Ngọc An P1, sinh ngày 29/4/2019. Bà C và ông K đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Cháu P có nguyện vọng sống chung với ông K nên cần giao cháu P cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng cháu P1 còn nhỏ nên cần giao cho bà C nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C và ông K không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: quyền sử dụng đất diện tích đất 813,3m² (đo đạc 795,7m²) thửa 1570 tờ bản đồ số 42 tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có nguồn gốc vợ chồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong thời kỳ hôn nhân. Ông K cho rằng đây là tài sản riêng vì nguồn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là tiền ông chuyển nhượng diện tích đất khoảng 492m² tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương là tài sản riêng của ông K. Xét thấy, ông K được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất tại huyện B và ông đã chuyển nhượng để nhận chuyển nhượng đất tại tỉnh Kon Tum do vợ chồng cùng đứng tên đã thể hiện ý chí của ông K xác nhập tài sản riêng của ông vào tài sản chung của vợ chồng. Sau đó, vợ chồng chuyển nhượng diện tích đất tại tỉnh Kon Tum để nhận chuyển nhượng diện tích đất 813,3m² (đo đạc 795,7m²) thửa 1570 tờ bản đồ số 42 tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương do ông K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, bà C yêu cầu chia sản khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét thấy, nguồn tiền nhận chuyển nhượng thửa 1570 là từ tài sản riêng của ông K nhưng ông K đã đồng ý xác nhập thành tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình sống chung vợ chồng đã cùng nhau chăm sóc gia đình và cùng nhau tạo lập tài sản chung của vợ chồng. Thửa đất trên không đủ điều kiện tách thửa để chia bằng hiện vật. Do đó, giao cho ông K được quyền sử dụng thửa đất

1570 và có nghĩa vụ thanh toán cho bà C một phần hai giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định.

[9] Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị Phi C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Bà Đặng Thị Phi C và ông Ngô Đỗ K phải chịu án phí dân sự tương ứng với giá trị phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 33, 34, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Phi C về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” với ông Ngô Đỗ K như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Phi C được ly hôn với ông Ngô Đỗ Khoa .

- Về con chung:

Giao cháu Ngô Ngọc An P, sinh ngày 20/8/2016 cho ông Ngô Đỗ K nuôi dưỡng.

Giao cháu Ngô Ngọc An P1, sinh ngày 29/4/2019 cho bà Đặng Thị Phi C nuôi dưỡng.

Bà Đặng Thị Phi C và ông Ngô Đỗ K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đặng Thị Phi C và ông Ngô Đỗ K đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Đỗ K được quyền sử dụng thửa đất số 1570 tờ bản đồ số 42 diện tích 795,7m² (trong đó diện tích đất ở 140m²) tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 514940 số vào sổ cấp GCN: CS11758 ngày 16/02/2022 cho ông Ngô Đỗ Khoa .

(Kèm theo Mảnh trích lục địa chính số 72-2024 tờ bản đồ số 42 ngày 22/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T)

Ông Ngô Đỗ K được quyền sở hữu cây trồng gắn liền trên đất.

Ông Ngô Đỗ K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị Phi C 1.887.569.400 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị Phi C và ông Ngô Đỗ K mỗi người phải chịu 3.152.265 đồng (Ba triệu một trăm năm hai nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng). Bà Đặng Thị Phi C đã nộp tạm ứng nên ông Ngô Đỗ K phải thanh toán cho bà Đặng Thị Phi C 3.152.265 đồng (Ba triệu một trăm năm hai nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng).

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Phi C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và 68.075.550 đồng (Sáu mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 12.300.000 đồng (Mười hai ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008258, ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ông Ngô Đỗ K phải chịu 68.075.550 đồng (Sáu mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thâm

